

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
**BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG
CHỐNG DỊCH COVID-19**

Số: 290 /BC-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 5, ngày 18 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 11/9/2023 đến 17/9/2023

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng, an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 Quận 5 báo cáo đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 11/9/2023 đến 17/9/2023 như sau:

1. Kết quả đánh giá cấp độ dịch các phường:

Sau khi kết hợp các tiêu chí, kết quả như sau:

- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 1 là: 100%, gồm 14/14 phường (Phường 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14).

2. Chi tiết đánh giá cấp độ dịch các phường: Đính kèm Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế/TP ;
- TT.QU – TT.UBND/Q5;
- BCĐ PCDB/Q5;
- VP.QU - VP.UBND/Q5(VX);
- Lưu: VT, YT. 6

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN 5
Nguyễn Võ Xuân Kỳ

Bảng đánh giá chi tiết cấp độ dịch các phường tuần từ 11/9/2023 – 17/9/2023
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 290 /BC-BCĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 5)

Các chỉ số			Chỉ số 1a			Chỉ số 1b			Chỉ số 1c		Chỉ số 2a			Chỉ số 2b			Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a			Khả năng đáp ứng 3b			Khả năng đáp ứng 3c			Cấp độ dịch			
Phường	Dân số	Số hộ	Số ca mắc mới trong tuần ngày 11/9-17/9/2023	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy trung bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/100.000 dân	Số mới tiêm đủ mũi (áp dụng đánh giá mới theo CV 8372 từ ngày 5/12/2022) Tỷ lệ tiêm bằng tổng trẻ 5-12 tiêm đủ mũi cơ bản + người từ 12 tuổi trở lên tiêm đủ mũi cơ bản và nhắc 1y tổng dân số		Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (~75%)	Số mới 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (nguy cơ cao) (%)	Độ phủ VX (2b) (~90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	TYT có định (dạng hoạt động)+TYT lưu động (dạng hoạt động)+Cơ sở chăm sóc F0 sẵn sàng huy động trong 24 giờ	Tỷ lệ sản sàng quản lý, chăm sóc/ 10.000 hộ dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (~4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c	Cấp độ dịch (1)	Cấp độ dịch (2) Hiệu chỉnh theo tiêu chí 1c
			Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Mũi 2 người 12-17	Mũi 3 người từ 12 trở lên	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b		Điểm số	Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	Cấp độ dịch
Phường 1	17199	4315	0	0	1	0	0	1	1	0	0	375	9,436	57.04%		4,075	102.05%	Đạt		2	3	695.2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 2	14365	3861	0	0	1	0	0	1	1	0	0	251	10,252	73.12%		4,470	100.27%	Đạt		2	3	777	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 3	7630	1386	0	0	1	0	0	1	1	0	0	126	7,793	103.79%	Đạt	2,412	214.21%	Đạt	Đạt	1	4	2886	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 4	10125	2789	0	0	1	0	0	1	1	0	0	153	6,455	69.68%		2,582	76.85%			2	5	1792.8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 5	10847	2726	0	0	1	0	0	1	1	0	0	262	9,792	92.69%	Đạt	3,876	115.05%	Đạt	Đạt	1	9	3301.5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 6	8424	2184	0	0	1	0	0	1	1	0	0	182	5,869	66.68%		2,541	76.40%			2	8	3663	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 7	10273	2535	0	0	1	0	0	1	1	0	0	187	6,791	67.93%		3,054	81.22%			2	5	1972.4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 8	7868	1842	0	0	1	0	0	1	1	0	0	330	6,362	85.05%	Đạt	2,496	92.96%	Đạt	Đạt	1	2	1085.8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 9	13233	2963	0	0	1	0	0	1	1	0	0	200	6,498	50.62%		2,365	87.40%			2	3	1012.5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 10	6479	1862	0	0	1	0	0	1	1	0	0	182	5,272	84.18%	Đạt	2,155	86.20%			2	3	1611.2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 11	11659	3035	0	0	1	0	0	1	1	0	0	303	9,906	87.56%	Đạt	4,136	105.08%	Đạt	Đạt	1	7	2306.4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 12	14857	3710	0	0	1	0	0	1	1	0	0	263	10,225	70.59%		4,298	97.20%	Đạt		2	7	1886.8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 13	8749	2195	0	0	1	0	0	1	1	0	0	260	6,044	72.05%		2,523	91.55%	Đạt		2	3	1366.7	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 14	12909	3347	0	0	1	0	0	1	1	0	0	294	9,452	75.50%	Đạt	3,761	132.90%	Đạt	Đạt	1	3	896.3	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1